

# Bản tin Pháp lý Tháng 12/2008

Cùng với các tiện ích khác, Bản tin pháp lý được cập nhật hàng tháng, bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh, nhằm cung cấp cho các khách hàng, các đối tác của Công ty các thông tin mới nhất về các vấn đề pháp lý ở Việt Nam. Bản tin Pháp lý tập trung chủ yếu vào việc cập nhật các thay đổi của hệ thống pháp luật ở Việt Nam trong các lĩnh vực Đầu tư nước ngoài, Thương mại, Xuất nhập khẩu, Thuế, Tài chính, Ngân hàng, Lao động, và các vấn đề liên quan khác. Quý vị có thể tham khảo các Bản tin pháp lý mới nhất được cập nhật dưới đây.

---

## Báo hộ nhãn hiệu nổi tiếng ở Việt Nam

Việc báo hộ các nhãn hiệu nổi tiếng đã được thiết lập lên đầu tiên theo Công ước Paris về Báo hộ Sở hữu công nghiệp (Điều 6bis) cùng với giải thích bổ sung theo Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (các Điều 16.2 & 16.3), mà Việt Nam là một bên tham gia của cả hai điều ước quốc tế này.

Ở Việt Nam, nhãn hiệu nổi tiếng được định nghĩa là các nhãn hiệu “được người tiêu dùng biết đến rộng rãi trên toàn lãnh thổ Việt Nam” (Điều 4.20 của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi và bổ sung năm 2009). Các tiêu chí để đánh giá một nhãn hiệu là nổi tiếng được quy định chi tiết hơn trong Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sau đây gọi là “Luật SHTT”) như sau:

*Điều 75. Tiêu chí đánh giá nhãn hiệu nổi tiếng*

*Các tiêu chí sau đây được xem xét khi đánh giá một nhãn hiệu là nổi tiếng:*

*1. Số lượng người tiêu dùng liên quan đã biết đến nhãn hiệu thông qua việc mua bán, sử dụng hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu hoặc thông qua quảng cáo.*

*2. Phạm vi lãnh thổ mà hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu đã*

được lưu hành.

3. Doanh số từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ mang nhãn hiệu hoặc số lượng hàng hóa đã được bán ra, lượng dịch vụ đã được cung cấp.

4. Thời gian sử dụng liên tục nhãn hiệu.

5. Uy tín rộng rãi của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu.

6. Số lượng quốc gia bảo hộ nhãn hiệu.

7. Số lượng quốc gia công nhận nhãn hiệu là nổi tiếng.

8. Giá chuyển nhượng, giá chuyển giao quyền sử dụng, giá trị góp vốn đầu tư của nhãn hiệu.

Không như các nhãn hiệu thông thường, quyền đối với nhãn hiệu nổi tiếng được cấp trên cơ sở sử dụng liên tục trong phạm vi mà nhãn hiệu được thừa nhận là nổi tiếng. Một khi được bảo hộ, nhãn hiệu nổi tiếng có phạm vi bảo hộ rộng hơn nhãn hiệu thông thường. Ví dụ, một nhãn hiệu nổi tiếng có thể được sử dụng làm đối chứng để từ chối các nhãn hiệu khác thậm chí với những hàng hóa hoặc dịch vụ không tương tự nếu việc sử dụng các nhãn hiệu đó có thể ảnh hưởng đến tính phân biệt của nhãn hiệu nổi tiếng hoặc việc đăng ký nhãn hiệu có nhằm lợi dụng uy tín của nhãn hiệu nổi tiếng (Điều 74.2.i của Luật SHTT).

Tuy nhiên, để nhãn hiệu được công nhận là nổi tiếng là công việc không hề dễ dàng đối với các chủ nhãn hiệu ở Việt Nam.

### **Các Trách ngại Chính**

Trên thực tế, số lượng nhãn hiệu được công nhận là nổi tiếng ở Việt Nam vẫn còn khá khiêm tốn. Thực tế này do nhiều nguyên nhân.

Nguyên nhân đầu tiên là sự không thống nhất trong định nghĩa về nhãn hiệu nổi tiếng của Luật SHTT. Cụ thể, một trong những tiêu chí để đánh giá một nhãn hiệu là nổi tiếng là số lượng người tiêu dùng liên quan biết đến nhãn hiệu (Điều 75.2). Tuy nhiên, nhãn hiệu phải được người tiêu dùng trên toàn lãnh thổ Việt Nam biết đến một cách rộng rãi để được xem là “nổi tiếng” (Điều 4.20). Rõ ràng không nhãn hiệu nào, thậm chí là những nhãn hiệu nổi tiếng nhất, có thể được sử dụng cho tất cả các loại hàng hóa hoặc dịch vụ để có thể được biết đến bởi tất cả người tiêu dùng có xuất thân, nghề nghiệp, sở thích và lợi ích khác nhau. Do đó, việc chứng minh nhãn hiệu được người tiêu dùng trong cả nước biết đến rộng rãi có vẻ như khá mơ hồ và rất khó thi đối với các chủ sở hữu nhãn hiệu, đặc biệt là những người mà nhãn hiệu của họ được sử dụng cho những hàng hóa hoặc dịch vụ đặc thù như máy móc công nghiệp hoặc thiết bị y tế.

Với tinh thần đó, được những người tiêu dùng liên quan biết đến là một hướng tiếp cận thích hợp hơn cho việc công nhận nhãn hiệu nổi tiếng. Tuy nhiên, định nghĩa không thống nhất hiện nay đang làm cho các chủ nhãn hiệu gặp khó khăn trong việc thu thập chứng cứ để chứng minh nhãn hiệu của họ là nổi tiếng.

Nguyên nhân thứ hai là Cục SHTT hữu Trí tuệ (“Cục SHTT”) hiện nay khá chặt chẽ trong thủ tục công nhận nhãn hiệu nổi tiếng. Do chưa có tiêu chuẩn định lượng cụ thể để đánh giá tình trạng nhãn hiệu nổi tiếng, Cục SHTT dường như ngày càng chặt chẽ trong việc công nhận nhãn hiệu nổi tiếng. Trên thực tế, khi đánh giá một nhãn hiệu có được coi là nổi tiếng hay không, Cục SHTT thường đòi hỏi chứng cứ về việc sử dụng liên tục nhãn hiệu, đặc biệt là ở Việt Nam. Do đó, nếu không có chứng cứ về việc sử dụng ở Việt Nam, một nhãn hiệu nổi tiếng trên toàn thế giới khó có thể được công nhận là nổi tiếng ở Việt Nam. Mặt khác, sự mơ hồ trong định nghĩa và các tiêu chí của nhãn hiệu nổi tiếng đôi khi dẫn đến quy tắc định mang tính cảm tính của cơ quan có thẩm quyền trong việc công nhận hoặc không công nhận nhãn hiệu nổi tiếng.

Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, việc thiêu một hệ thống hiệu quả trong thủ tục công nhận và quản lý các nhãn hiệu nổi tiếng cũng là một trở ngại lớn trong việc đánh giá và ghi nhận nhãn hiệu nổi tiếng ở Việt Nam. Hiện nay, không có thủ tục chính thức cho việc công nhận nhãn hiệu nổi tiếng ở Việt Nam. Trên thực tế, Cục SHTT thường công nhận một nhãn hiệu là nổi tiếng trong một thủ tục đơn lẻ trong quá trình thẩm định, phân phối hoặc hủy bỏ liên quan đến một vụ việc cụ thể. Do đó, việc công nhận nhãn hiệu nổi tiếng chỉ được ghi nhận trong vụ việc đơn lẻ đó mà không được quản lý một cách hệ thống dưới dạng một nguồn tham khảo công khai. Theo quy định của pháp luật, các nhãn hiệu nổi tiếng phải được ghi nhận vào Danh mục Nhãn hiệu Nổi tiếng được lưu giữ tại Cục SHTT (Điều 42.4, Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN). Tuy nhiên, trên thực tế, việc lập, lưu giữ và công bố danh sách này vẫn chưa được thực hiện.

### **Các Khuyến nghị**

Để bảo vệ một cách có hiệu quả các quyền hợp pháp của chủ sở hữu nhãn hiệu nổi tiếng, chúng ta hy vọng rằng các vấn đề nói trên sẽ được khắc phục trong tương lai gần. Quy trình đánh giá và công nhận nhãn hiệu nổi tiếng cần minh bạch hơn. Danh mục

nhãn hiệu nổi tiếng cũng sẽ sớm được lập và công bố để hệ thống hóa việc quản lý các nhãn hiệu nổi tiếng cũng như để tăng cường nhận thức của công chúng đối với các nhãn hiệu nổi tiếng ở Việt Nam./.

---

## **Chương trình thẩm định nhanh đơn sáng chế thử nghiệm giữa Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam và Cơ quan Sáng chế Nhật Bản**

*Theo thỏa thuận hợp tác song phương giữa Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam (NOIP) và Cơ quan Sáng chế Nhật Bản (JPO) được ký kết vào tháng 10/2015, chương trình thẩm định nhanh đơn sáng chế (PPH) giữa hai bên đã được chính thức triển khai thử nghiệm từ ngày 01/4/2016. Đây là chương trình PPH đầu tiên mà NOIP tham gia với nỗ lực sử dụng kết quả thẩm định nội dung của cơ quan sở hữu trí tuệ nước ngoài để đẩy nhanh việc thẩm định các đơn sáng chế tại Việt Nam.*

Hiện nay, mặc dù Việt Nam đã có hai hệ thống thẩm định nhanh đơn sáng chế, bao gồm hệ thống thẩm định nhanh được quy định trong Luật Sở hữu trí tuệ của Việt Nam và chương trình hợp tác thẩm định sáng chế ASEAN (ASPEC) giữa các cơ quan sở hữu trí tuệ của các nước ASEAN, nhưng hai hệ thống này lại không được áp dụng một cách rộng rãi. Một trong những lý do mà hệ thống thẩm định nhanh theo luật định không được áp dụng một cách phổ biến là do các thẩm định viên của NOIP thường không sẵn sàng tiếp nhận yêu cầu thẩm định nhanh do số lượng đơn đăng ký sáng chế đang tồn đọng khá lớn. Hệ thống thứ hai là chương trình ASPEC lại không đạt được hiệu quả như kỳ vọng vì các thẩm định viên của NOIP khá ngần ngại khi dựa vào kết quả thẩm định của

các cơ quan sáng chế ASEAN. Do đó, chương trình PPH thí nghiệm giữa NOIP và JPO được kỳ vọng là sẽ cải thiện tình trạng hiện tại và rút ngắn thời gian thẩm định nội dung đối với các đơn đăng ký sáng chế nộp tại Việt Nam mà có các đơn tương đương nộp tại Nhật Bản.

Theo đó, người nộp đơn có thể yêu cầu thẩm định nhanh đơn đăng ký sáng chế nộp tại Việt Nam dựa trên bằng sáng chế/thông báo dự định cấp bằng sáng chế Nhật Bản đã được cấp cho đơn tương đương nộp tại Nhật Bản bằng cách thực hiện theo những thủ tục đã được quy định và đáp ứng những yêu cầu nhất định của chương trình PPH thí nghiệm này. Ngoài các quy định khác, có một số điểm quan trọng mà người nộp đơn cần lưu ý khi tham gia vào chương trình này, cụ thể là: (i) yêu cầu thẩm định nội dung cho đơn đăng ký sáng chế tại Việt Nam phải được nộp cho NOIP trước hoặc vào thời điểm nộp đơn yêu cầu PPH, (ii) NOIP chưa ra bất kỳ thông báo kết quả thẩm định nội dung nào đối với đơn đăng ký sáng chế nộp tại Việt Nam vào thời điểm nộp yêu cầu PPH, và (iii) các yêu cầu báo hộ của đơn đăng ký sáng chế tại Việt Nam phải giống và/hoặc tương đương với các yêu cầu báo hộ mà được xác định là có thể cấp bằng sáng chế/ có thể chấp nhận để cấp bằng sáng chế của đơn tương đương nộp tại Nhật Bản.

Bước đầu, chương trình PPH này sẽ được triển khai thí nghiệm trong vòng 03 năm, bắt đầu từ ngày 1/4/2016 và dự kiến kết thúc vào ngày 31/3/2019. Tuy nhiên, chương trình thí nghiệm này có thể sẽ được kéo dài thêm sau khi NOIP và JPO cùng nhau rà soát và đánh giá kết quả thực hiện chương trình. Cần chú ý rằng chương trình thí nghiệm này không được áp dụng dựa trên các đơn đăng ký ghi pháp hữu ích nộp tại JPO. Sau khi cân nhắc đến khả năng xử lý đơn, NOIP đang ý tiếp nhận tối đa 100 đơn PPH mỗi năm trong giai đoạn thí nghiệm kéo dài 3 năm này, và có thể từ chối đơn yêu cầu PPH nộp sau đơn thứ 100. Khi số lượng đơn đã được tiếp nhận đạt đến mức tối đa, NOIP sẽ đăng thông báo trên trang thông tin điện tử của NOIP.

Trong năm đầu tiên của chương trình, số lượng đơn yêu cầu PPH đã đạt đến con số 100 đơn vào ngày 24/8/2016. Sau một năm hoạt

động, chương trình PPH thực nghiệm đã cho thấy hiệu quả vượt bậc trong việc thẩm định nhanh các đơn đăng ký sáng chế nộp tại Việt Nam, với nhiều bằng sáng chế đã được cấp trong vòng 9 đến 12 tháng sau khi nộp đơn yêu cầu PPH. Với thực tế số lượng đơn đăng ký sáng chế còn tồn đọng, có thể thấy rằng các thẩm định viên của NOIP đã nỗ lực hết sức mình và nghiêm túc thực hiện chương trình này. Trong năm thứ hai bắt đầu từ ngày 1/4/2017, số đơn yêu cầu đã đạt đến con số tối đa là 100 đơn vào ngày 24/5/2017. Như vậy, năm thứ hai của chương trình đã kết thúc, và các đơn yêu cầu PPH không được nộp kịp thời sẽ phải chờ đến năm thứ ba, bắt đầu từ ngày 1/4/2018. Với thực tế nêu trên, nếu mong muốn tận dụng chương trình này (chương trình hoạt động dựa trên nguyên tắc ưu tiên đơn nộp trước), người nộp đơn nên chú ý bị tắc nghẽn để có thể nộp đơn yêu cầu PPH ngay khi NOIP thông báo tiếp tục tiếp nhận các đơn tiếp theo./.

---

## Chọn chế độ doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm

Ngày 23/5/2014, Chính phủ ban hành Nghị định số 52/2014/NĐ-CP quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm ("**Nghị định 52**"). Nghị định mới sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/7/2014 và thay thế Nghị định số 19/2005/NĐ-CP ngày 28/02/2005, được sửa đổi và bổ sung bằng Nghị định số 71/2008/NĐ-CP ngày 05/6/2008 của Chính phủ ("**Nghị định 19**").

Sau đây là nội dung một số thay đổi chính của Nghị định 52 so với Nghị định 19.

### ***Hoạt động dịch vụ việc làm***

Ngoài các hoạt động đã có theo Nghị định 19 bao gồm: Tư vấn cho người lao động và người sử dụng lao động; Giới thiệu việc làm cho người lao động, cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động; Thu thập, phân tích, dự báo và cung ứng thông tin thị trường lao động; Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực tìm kiếm việc làm và đào tạo kỹ năng, dạy nghề; Nghị định 52 bổ sung doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm có thể “Thực hiện các chương trình, dự án về việc làm”.

### **Điều kiện cấp phép**

Về điều kiện bộ máy chuyên trách, Nghị định 52 đã giảm số lượng nhân viên của bộ máy chuyên trách để thực hiện các hoạt động dịch vụ việc làm từ 05 nhân viên có trình độ cao đúng theo Nghị định 19 xuống còn 03.

Về điều kiện ký quỹ, Nghị định mới cũng quy định rõ doanh nghiệp phải nộp tiền ký quỹ tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản giao dịch chính, cho phép doanh nghiệp được hưởng lãi suất từ tiền ký quỹ theo thỏa thuận với ngân hàng, và được hoàn trả tiền ký quỹ sau khi thực hiện hết các nghĩa vụ tài chính liên quan đến hoạt động của mình trong trường hợp có văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép:

- (a) việc doanh nghiệp không được cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép; hoặc
- (b) việc doanh nghiệp nộp lại, bị thu hồi giấy phép; hoặc
- (c) xác nhận việc giải quyết rủi ro hoặc các khoản nợ bù xẩy ra trong quá trình hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp.

### **Giấy phép**

Nghị định 52 đã tăng thời hạn tối đa của giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm từ 36 tháng lên 60 tháng.

Ngoài ra, Nghị định mới còn quy định cụ thể về (a) hồ sơ,

trình tự và th<sub>đ</sub> tục c<sub>đ</sub>p lại gi<sub>đ</sub>y phép cho doanh nghiệp khi gi<sub>đ</sub>y phép bị m<sub>đ</sub>t, bị hư h<sub>đ</sub>ng hoặc thay đ<sub>đ</sub>i một trong các nội dung c<sub>đ</sub>a gi<sub>đ</sub>y phép, cũng như (b) h<sub>đ</sub> sơ, trình tự và th<sub>đ</sub> tục gia hạn gi<sub>đ</sub>y phép, theo đó trong thời hạn 30 ngày trước ngày gi<sub>đ</sub>y phép h<sub>đ</sub>t hạn, doanh nghiệp ph<sub>đ</sub>i nộp h<sub>đ</sub> sơ đ<sub>đ</sub> nghị gia hạn gi<sub>đ</sub>y phép và m<sub>đ</sub>i l<sub>đ</sub>n gi<sub>đ</sub>y phép sẽ đ<sub>đ</sub>ợc gia hạn không quá 60 tháng.

Bên cạnh đó, Nghị đ<sub>đ</sub>nh 52 bãi b<sub>đ</sub> các quy đ<sub>đ</sub>nh c<sub>đ</sub>a Nghị đ<sub>đ</sub>nh 19 v<sub>đ</sub> việc thu h<sub>đ</sub>i/ t<sub>đ</sub>ớc quy<sub>đ</sub>n s<sub>đ</sub> dụng gi<sub>đ</sub>y phép c<sub>đ</sub>a doanh nghiệp dịch vụ việc làm trong các trường hợp:

(a) Vi phạm ngành ngh<sub>đ</sub> kinh doanh ghi trong Gi<sub>đ</sub>y phép hoặc không đ<sub>đ</sub> các đ<sub>đ</sub>i<sub>đ</sub>u kiện theo quy đ<sub>đ</sub>nh;

(b) Có những hành vi lừa đ<sub>đ</sub>o, gian lận đ<sub>đ</sub>i với người lao động, doanh nghiệp, t<sub>đ</sub> chức khác do các cơ quan Nhà nước có th<sub>đ</sub>m quy<sub>đ</sub>n xác đ<sub>đ</sub>nh;

(c) Không thực hiện nghĩa vụ c<sub>đ</sub>a doanh nghiệp theo quy đ<sub>đ</sub>nh c<sub>đ</sub>a pháp luật;

(d) Không ch<sub>đ</sub>p hành báo cáo theo quy đ<sub>đ</sub>nh với cơ quan qu<sub>đ</sub>n lý Nhà nước v<sub>đ</sub> lao động địa phương liên tục từ 01 (một) năm dương lịch tr<sub>đ</sub> lên;

(e) Bị x<sub>đ</sub> phạt hành chính do vi phạm pháp luật lao động 03 (ba l<sub>đ</sub>n trong năm hoặc có 01 (một) hành vi vi phạm bị x<sub>đ</sub> phạt 03 l<sub>đ</sub>n;

đ<sub>đ</sub>ng thời tăng thời hạn thu h<sub>đ</sub>i/ t<sub>đ</sub>ớc quy<sub>đ</sub>n s<sub>đ</sub> dụng gi<sub>đ</sub>y phép từ 03 tháng theo Nghị đ<sub>đ</sub>nh cũ lên 12 tháng.

### ***Nghĩa vụ thông báo, báo cáo***

Ngoài các nghĩa vụ thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng v<sub>đ</sub> gi<sub>đ</sub>y phép, địa đ<sub>đ</sub>i<sub>đ</sub>m, lĩnh vực hoạt động, tài kho<sub>đ</sub>n, tên giám đ<sub>đ</sub>c, s<sub>đ</sub> điện thoại sau khi đ<sub>đ</sub>ợc c<sub>đ</sub>p phép và thông báo bằng văn b<sub>đ</sub>n trước 15 ngày cho cơ quan Nhà nước có th<sub>đ</sub>m quy<sub>đ</sub>n c<sub>đ</sub>p phép v<sub>đ</sub> ngày b<sub>đ</sub>t đ<sub>đ</sub>u hoạt động như quy đ<sub>đ</sub>nh trong Nghị đ<sub>đ</sub>nh 19, Nghị đ<sub>đ</sub>nh 52 cũng b<sub>đ</sub> sung nghĩa vụ trường hợp chuy<sub>đ</sub>n địa đ<sub>đ</sub>i<sub>đ</sub>m đặt trụ s<sub>đ</sub> hoặc chi nhánh, người đ<sub>đ</sub>ng đ<sub>đ</sub>u doanh nghiệp ph<sub>đ</sub>i có văn b<sub>đ</sub>n g<sub>đ</sub>i cơ quan Nhà nước có th<sub>đ</sub>m quy<sub>đ</sub>n c<sub>đ</sub>p phép v<sub>đ</sub> địa đ<sub>đ</sub>i<sub>đ</sub>m mới kèm gi<sub>đ</sub>y tờ chứng minh tính hợp



lệ của địa điểm mới trong thời hạn 15 ngày trước ngày thực hiện việc chuyển địa điểm.

### ***Giai đoạn chuyển tiếp***

Nghị định 52 quy định doanh nghiệp đã được cấp giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thì tiếp tục được hoạt động cho đến hết thời hạn của giấy phép được cấp, và doanh nghiệp đã nộp đủ hồ sơ cấp giấy phép theo đúng quy định tại Nghị định 19 trước ngày Nghị định mới có hiệu lực thì được cấp giấy phép.

### ***Kết luận***

Việc ban hành Nghị định mới đã tạo ra hành lang pháp lý thông thoáng hơn cho các doanh nghiệp mong muốn tham gia hoạt động dịch vụ việc làm, nhằm hỗ trợ sự phát triển mạnh mẽ của thị trường dịch vụ việc làm, góp phần tích cực giải quyết vấn đề việc làm cho lực lượng nhân lực dần tuổi lao động ngày càng lớn của Việt Nam./.